

CHÍNH SÁCH BIỂN ĐÔNG CỦA CHÍNH QUYỀN TỔNG THỐNG OBAMA

Lê Lan Anh

Viện Nghiên cứu Châu Mỹ

Với nghịch cảnh "Hợp tác toàn diện trên bờ nhưng lại xung đột và căng thẳng trên biển", Đông Nam Á đang chịu những tác động lớn đến từ các nước có sức ảnh hưởng mạnh tại khu vực. Trước sự lớn mạnh vượt trội của Trung Quốc đang thách thức vai trò của Mỹ tại khu vực Biển Đông mà cả hai nước lớn đều tuyên bố có những mối liên hệ truyền thống. Mỹ trên thực tế hầu như không thể tiếp tục sử dụng chính sách "không can dự" như trước đây đối với khu vực này, bởi nó liên quan trực tiếp đến những lợi ích sống còn của Mỹ, và do vậy, dường như Mỹ đang chuyển sang chính sách "can dự một phần" trong chính sách đối ngoại với các nước ven biển và ASEAN tại Biển Đông.

1. Tầm quan trọng của Biển Đông trong những lợi ích của Mỹ

Trong Chiến lược An ninh Quốc gia 2010 của Mỹ, lợi ích an ninh quốc gia mà Mỹ đề cập bao gồm nhiều lợi ích khác nhau, trong đó có: "Đảm bảo tự do hàng hải, điều kiện tiên quyết để ổn định khu vực và bảo vệ lợi ích của Mỹ" Những lợi ích

này luôn được duy trì cho dù chính quyền Mỹ có thay đổi. Việc Mỹ gia tăng ảnh hưởng vào khu vực châu Á

Thái Bình Dương cũng là để phục vụ các lợi ích kể trên. Lợi ích của Mỹ tại Biển Đông nằm trong nhóm lợi ích của Mỹ tại khu vực châu Á Thái Bình Dương.

Lợi ích về hàng hải

Mỹ coi tuyến đường trên Biển Đông là tuyến đường thương mại quan trọng nhất, là vùng nước quốc tế cho phép tàu thuyền quân sự và thương mại tự do qua lại, vì thế Mỹ cho rằng, bất kỳ một mối đe dọa nào đối với tự do hàng hải qua Biển Đông cũng có thể gây ra những ảnh hưởng lớn tới kinh tế khu vực và sự tăng trưởng của kinh tế và an ninh của Mỹ phụ thuộc vào việc duy trì tự do hàng hải với cả tàu buôn và tàu quân sự¹. Chính vì những lợi ích đó mà Mỹ đang ngày càng tỏ ra quan tâm hơn đến những diễn biến của các tranh chấp trên Biển Đông, và việc giải quyết hoà bình các tranh chấp tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, và các vùng khác trên Biển Đông. Mỹ còn cho biết, nếu có xung đột xảy ra, Mỹ sẵn sàng ủng hộ để duy trì tự do hàng hải trên khu vực Biển Đông. Hiện tại,

Hạm đội Thái Bình Dương của Mỹ đang đóng tại Nhật Bản, Hawaii và Singapore do tướng Robert Willard chỉ huy hoạt động trên một vùng biển rộng từ Thái Bình Dương tới Ấn Độ Dương với 180 tàu thuyền, 1.500 máy bay và 125.000 thủy thủ. Hạm đội có khoảng hơn 50 tàu qua lại hàng ngày tại vùng biển Thái Bình Dương².

Lợi ích về an ninh, kinh tế

Được xác định là một trong 10 vùng biển có trữ lượng dầu khí lớn nhất thế giới, những mỏ dầu này được tập trung vào các vùng biển đảo, trong đó có nhiều khu vực hiện đang có tranh chấp. Theo Bộ Năng lượng Mỹ, trữ lượng dầu mỏ ở Biển Đông khoảng 7 tỷ thùng dầu, trong khi Trung tâm khảo sát địa chất Mỹ ước tính tổng trữ lượng dầu mỏ bao gồm cả những nguồn năng lượng đã được khám phá và tiềm tàng ở Biển Đông khoảng 28 tỷ thùng³. Trong khi đó, phía Trung Quốc tuyên bố trữ lượng có thể lên tới 200 tỷ thùng, đủ để cung cấp cho Trung Quốc 1 đến 2 triệu thùng dầu mỗi ngày, tương đương 25% lượng tiêu thụ dầu mỏ hàng ngày của Trung Quốc hiện nay là 8 triệu thùng⁴. Có thể nói, lượng dầu mỏ tại khu vực Biển Đông trở thành một “khối tài sản khổng lồ” mà bất cứ một quốc gia nào cũng muốn có được, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay, khi giá dầu thế giới có lúc đã lên tới đỉnh điểm ở mức 145 USD/thùng (tháng 7/2008) và

chạm đáy ở mức 34 USD/thùng (tháng 12/2008), hiện tại giá dầu đang dao động ở mức 90-100 USD/thùng⁵. Nước Mỹ đang phải giải quyết những hậu quả nghiêm trọng do cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế và cuộc khủng hoảng giá dầu năm 2008. Vì thế, dầu mỏ càng trở nên quan trọng đối với Mỹ hơn bao giờ hết, và nguồn năng lượng lớn từ Biển Đông này cũng có thể sẽ là mục tiêu mà Mỹ luôn hướng tới.

Lợi ích về quân sự

Đối phó với các thách thức về vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống luôn là một trong những ưu tiên quốc gia hàng đầu của Mỹ từ trước đến nay, và Biển Đông được xác định là tuyến đường giao thông quan trọng trong hệ thống phòng thủ của Mỹ trong việc chống hải tặc và khủng bố, đặc biệt tại eo biển Malacca. Tháng 4/2004, Mỹ đưa ra “Sáng kiến an ninh hàng hải khu vực” nhằm phát triển quan hệ đối tác với các nước trong khu vực có khả năng kiểm soát và ngăn chặn các mối đe dọa hàng hải thông qua luật quốc tế và luật quốc gia⁶. Theo đó, Mỹ được phép đưa lực lượng hải quân tới eo biển Malacca để ngăn chặn khủng bố, hải tặc, buôn lậu ma túy và buôn người. Tuy nhiên, Sáng kiến này của Mỹ vấp phải sự phản đối từ Malaysia và Indonesia vì cho rằng trách nhiệm đối với vấn đề an ninh tại eo biển này là thuộc về các nước ven biển.

Nhằm củng cố lợi ích và vị thế của mình tại Biển Đông, Mỹ tiếp tục duy trì các căn cứ quân sự tại các nước đồng minh như Nhật Bản và Philipines. Sau “Hiệp định trao đổi quân sự giữa hai nước” Mỹ và Philipippines được ký kết năm 1995, Hạm đội Thái Bình Dương của Mỹ đã được phép neo đậu tại các cảng của Philipippines trên Biển Đông.

Từ những tuyến lợi ích quan trọng trên của Mỹ tại Biển Đông, Mỹ đã đưa ra những chính sách đối ngoại đối với khu vực này, đặc biệt là những điều chỉnh chính sách sau năm 2008.

2. Chính sách Biển Đông của Mỹ

Chính sách đối ngoại của Mỹ tại Biển Đông tập trung chủ yếu vào việc bảo vệ lợi ích của Mỹ và đồng minh, Mỹ muốn có sự phát triển thuận lợi tại Biển Đông chứ không phải là xung đột vũ trang xảy ra. Mỹ cũng muốn duy trì quan hệ cân bằng với các nước ven biển ở khu vực. Tuy nhiên, chính sách của Mỹ tại Biển Đông đã có ít nhiều thay đổi khi so sánh giữa hai giai đoạn trước và sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2008.

2.1. Chính sách Biển Đông của Chính quyền G. Bush

Như đã nói ở trên, Biển Đông luôn là một trong những mối quan tâm hàng đầu trong chính sách đối ngoại của Mỹ bởi những lợi ích mà nó

mang lại. Tuy nhiên, do từng thời kỳ, từng giai đoạn lịch sử có những biến động riêng, nên có thể chính sách Biển Đông của Chính quyền Tổng thống G. Bush hầu như chỉ nhấn mạnh đến vấn đề về tự do lưu thông hàng hải, chú trọng đến các vấn đề hợp tác an ninh, quân sự theo lối tiếp cận song phương, và ít quan tâm hơn đến các vấn đề khác như an ninh và các tranh chấp trên biển. Chính quyền Bush ít can dự và thể hiện chủ trương trung lập đối với vấn đề Biển Đông. Điều đó được lý giải rằng, do chính sách đối với Trung Quốc lúc bấy giờ chi phối chính sách Mỹ tại Đông Nam Á. Cũng có thể là do lúc bấy giờ tình hình trên Biển Đông diễn biến chưa mấy phức tạp, các tranh chấp chưa nổ ra công khai, mạnh mẽ như hiện nay. Vì thế, Mỹ tập trung hơn vào vấn đề Trung Quốc và ít quan tâm hơn đến khu vực Đông Nam Á cũng như các tranh chấp Biển Đông, mà thay vào đó là duy trì các hợp tác quân sự với các nước đồng minh.

2.2. Những điều chỉnh trong nhiệm kỳ Tổng thống Obama

Chính sách của Chính quyền G. Bush vẫn sẽ được tiếp tục dưới thời Obama, tuy nhiên sẽ có những điều chỉnh chiến lược cho phù hợp với thời kỳ mới, theo lối tiếp cận đa phương, nhằm đối phó với những thách thức đang ngày càng gia tăng tại Biển Đông, có nguy cơ làm tổn

hại đến những lợi ích quan trọng của Mỹ tại khu vực này. Lập trường mới của Mỹ ở Biển Đông đang tạo ra cuộc chiến ngoại giao được định hình tại châu Á trong thập kỷ tới, đó là sự giằng co giữa Mỹ và Trung Quốc về vai trò nổi trội tại khu vực.

Lập trường chính sách Biển Đông của Mỹ:

Hiện tại, lập trường chính sách Biển Đông của Mỹ được thể hiện trên bốn điểm:

Một là, Mỹ không đồng tình với việc đe dọa hoặc sử dụng vũ lực để khẳng định yêu sách quốc gia của bất kỳ nhà nước nào ở Biển Đông và sẽ xem việc sử dụng đó như một vấn đề quan trọng; *Hai là*, Mỹ không có quan điểm về giá trị pháp lý của các yêu sách chủ quyền có tính cạnh tranh với nhau và sẵn sàng giúp đỡ cho một giải pháp hòa bình về các yêu sách có tính cạnh tranh nếu được các bên yêu cầu; *Ba là*, Mỹ thúc giục giải pháp hòa bình cho vấn đề của các nhà nước liên quan, theo phương cách tăng cường hòa bình, thịnh vượng và an ninh trong khu vực; và *Bốn là*, Mỹ có lợi ích chiến lược trong việc duy trì các con đường liên lạc trong khu vực và xem đó là cơ bản để không đồng tình với bất kỳ yêu sách về biển nào, vượt ngoài sự cho phép của Công ước Liên hợp quốc về Luật biển.

Những biểu hiện chính sách:

Tăng cường củng cố mối quan hệ đồng minh đối tác

Để tạo thế cân bằng với Trung Quốc hiện đang nổi lên mạnh mẽ tại khu vực châu Á, Mỹ tiếp tục củng cố hơn nữa mối quan hệ đồng minh đối tác với Nhật Bản và Philippines nhằm triển khai lực lượng quân sự đảm bảo an ninh khu vực và củng cố vị thế của Mỹ tại Biển Đông. Liên minh an ninh Mỹ - Nhật Bản đang có những hoạt động liên kết với khối ASEAN có thể thúc đẩy giải pháp lâu dài tại Biển Đông.

Với chủ trương đề cao chủ nghĩa đa phương, Mỹ khuyến khích các nước trong khu vực châu Á phát triển mối quan hệ đa phương. Để giải quyết vấn đề tranh chấp tại quần đảo Trường Sa, Mỹ nhấn mạnh tầm quan trọng của liên minh quân sự với Philippines và ủng hộ nỗ lực xây dựng cơ chế đa phương của ASEAN⁷

Việc Mỹ quyết định nâng cấp quan hệ an ninh với Indonesia là dấu hiệu cho thấy, sự thay đổi chiến lược trong chính sách của Washington đối với khu vực. Để tranh thủ quốc gia quan trọng và lớn nhất Đông Nam Á này, trong chuyến thăm Indonesia trong năm 2010, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ đồng ý cho nổi lại các cuộc tiếp xúc với Kopassus - lực lượng đặc biệt của Indonesia từng dính líu đến những vụ lạm dụng nhân quyền trước đây. Quyết định liên quan đến Kopassus đã khai thông bế tắc cho Hiệp định Khuôn khổ Quốc phòng Mỹ

Indonesia, tạo những cơ sở mới cho việc tăng cường hợp tác trong huấn luyện quân sự, mua sắm thiết bị quốc phòng và an ninh trên biển.

Trong mối quan hệ với Trung Quốc: Thập kỷ qua, sự trỗi dậy của Trung Quốc đang từng bước làm thay đổi cục diện và tương quan quyền lực tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Phía Mỹ thừa nhận sự vươn lên mạnh mẽ của Trung Quốc, đồng thời tìm kiếm một chiến lược hợp lý nhằm cân bằng quyền lực với quốc gia này tại khu vực.

Những tuyên bố gần đây của Trung Quốc về chủ quyền trên Biển Đông đã gây ra những quan ngại cho Mỹ. Vào cuối tháng 3/2010, trong chuyến thăm của Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ tới Trung Quốc, phía Trung Quốc đã chính thức thông báo rằng, Biển Đông nằm trong "lợi ích cốt lõi" của nước này, và yêu cầu các tàu thuyền của Mỹ không được hoạt động thu thập thông tin tình báo trong vòng 200 hải lý của vùng đặc quyền kinh tế. Đây là điều mà phía Mỹ không thể chấp nhận được, vì nó làm phương hại tới tuyến lợi ích trên khu vực Biển Đông của Mỹ. Để đáp trả cho yêu cầu bất hợp lý này của Trung Quốc, ngày 5/6/2010, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Robert Gates, tại Diễn đàn Shangrila 2010, nêu ra một số nguyên tắc và quan điểm về Biển Đông, khẳng định Mỹ cam kết duy trì an ninh đối với đồng minh, đối tác và khu vực, "việc duy

trì ổn định, tự do hàng hải, phát triển kinh tế một cách tự do và không bị cản trở có ý nghĩa quan trọng", "nguyên tắc giải quyết xung đột không sử dụng vũ lực", để làm rõ hơn quan điểm của Mỹ về vấn đề này, tại Diễn đàn ARF.

Tháng 7/2010 tại Hà Nội, Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton đã gây chấn động khi khẳng định: Việc giải quyết xung đột Biển Đông thuộc "lợi ích quốc gia" của Mỹ. Lấy "lợi ích quốc gia" đối chọi lại "lợi ích cốt lõi", tuy hai khái niệm này là tương đương. Ngoại trưởng Mỹ không những tái khẳng định việc Mỹ quay trở lại châu Á mà còn coi Mỹ như một "nhà môi giới" để hòa giải cuộc tranh chấp tại Biển Đông.

Gia tăng sự hiện diện ở Đông Nam Á, đặc biệt ủng hộ và khuyến khích ASEAN

Theo Mỹ, Đông Nam Á sẽ đóng một vai trò chủ chốt trong việc định hình tương lai của khu vực, và cam kết liên tục của Mỹ đối với khu vực đảm bảo cho Mỹ tham gia vào quá trình định hình này. Đây là một khu vực có ý nghĩa rất quan trọng đối với hòa bình và ổn định của tất cả các quốc gia châu Á - Thái Bình Dương, cũng như của sự thịnh vượng của nền kinh tế Mỹ.

Mới đây, Mỹ đã tổ chức các cuộc đối thoại chính sách quốc phòng cấp cao với Campuchia và Malaysia, các cuộc đối thoại này góp phần hỗ trợ

cho các cơ chế tham vấn của Mỹ với Philippines, Singapore, Thái Lan và Indonesia. Thông qua các hoạt động hợp tác an ninh đa dạng như các hội thảo chuyên đề và diễn tập quân sự đa phương, Mỹ có thể can dự về an ninh sâu hơn vào khu vực. Các lĩnh vực hợp tác sẽ được phát triển gồm: chống khủng bố, ma túy và các chiến dịch nhân đạo trong khu vực. Mỹ xác định kế hoạch “hiện diện hơn nữa” trong khu vực, “hỗ trợ các hoạt động đa phương ngày càng tăng trong việc đảm bảo an ninh hàng hải; tăng cường khả năng tiếp cận của Mỹ trên biển, trên không, vũ trụ và mạng máy tính”

Mỹ sẽ can dự mạnh hơn vào lĩnh vực an ninh biển và nỗ lực nhằm chống lại nạn cướp biển và phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Bộ Chỉ huy Thái Bình Dương của Mỹ phối hợp chặt chẽ với các đồng minh và các quốc gia khác như Indonesia, Malaysia, và Philippines để giúp về huấn luyện và cung cấp trang thiết bị gồm ra-đa, tàu tuần tra nhằm hỗ trợ kiểm soát các tuyến đường biển ở khu vực.

Mỹ ủng hộ và khuyến khích ASEAN hợp tác để giải quyết hòa bình các tranh chấp ở Biển Đông, duy trì ổn định trong khu vực. Mỹ đã phát triển một cơ chế hợp tác chính thức giúp hài hòa cả hai bên dựa trên luật quốc tế như Công ước Luật biển Liên Hợp quốc, và cơ chế này được tin là sẽ tối thiểu hóa các căng thẳng. Mỹ muốn các bên tạo ra

môi trường ổn định và hòa bình. ASEAN có vị trí rất quan trọng đối với Mỹ và là nòng cốt trong cơ chế hợp tác khu vực đang nổi lên tại châu Á nơi Mỹ có cam kết sâu sắc⁸.

Riêng đối với Việt Nam, Mỹ tiếp tục duy trì Đối thoại Chính trị An ninh quốc phòng với Việt Nam; tăng cường trao đổi các đoàn công tác và tham vấn về các vấn đề nhạy cảm ở Biển Đông; đề nghị tăng tần suất tàu quân sự Mỹ vào Việt Nam, muốn Việt Nam sớm tham gia Sáng kiến Chống phổ biến Vũ khí (SPI) và Sáng kiến gìn giữ hòa bình toàn cầu (GPOI)... Đặc biệt sau ARF 17, Mỹ vẫn luôn khẳng định lập trường có lợi cho Việt Nam và ASEAN về vấn đề Biển Đông. Việc Mỹ đưa hàng không mẫu hạm George Washington đến Biển Đông đậu ngoài khơi cách Đà Nẵng 200km và khu trục hạm John McCain thăm cảng Đà Nẵng kỷ niệm 15 năm bình thường hoá quan hệ Việt-Mỹ vào tháng 8/2010, tàu hải quân Mỹ USNS Richard E. Byrd tại cảng Hòn Khói, USNS Mercy tại cảng Quy Nhơn, là những cử chỉ tượng trưng trên con đường dài xây dựng sự tin cậy giữa hai quốc gia một thời đối địch. Quan trọng hơn, đó là những tín hiệu cụ thể cho thấy sự hiện diện ngày càng tăng của Mỹ tại khu vực Biển Đông.

3. Một vài nhận xét và kết luận

Việc Mỹ chủ trương can dự vào Biển Đông đã có một số biểu hiện rõ

ràng. Tuy nhiên, liệu việc thực hiện nó trong thời gian tới sẽ như thế nào, theo dự đoán của nhiều chuyên gia sẽ còn rất nhiều vấn đề chi phối mà chủ yếu là hai vấn đề sau: *Thứ nhất*, vấn đề quan hệ Mỹ - Trung, đây là mối quan hệ khá phức tạp. Đầu là hai nước có tầm ảnh hưởng mạnh mẽ với thế giới, mối quan hệ này đã có những động thái cho thấy những cải thiện rõ rệt kể từ đầu năm 2011 với liên tiếp các cuộc gặp song phương giữa Bộ trưởng Quốc phòng hai nước. Trên đường tới dự Đối thoại Shangrila 2011, ông Gates cũng nhấn mạnh mong muốn cải thiện hơn nữa quan hệ đối thoại với quân đội Trung Quốc, cùng với việc Bắc Kinh cử phái đoàn lớn nhất từ trước đến nay dự Đối thoại Shangrila do Bộ trưởng Quốc phòng Lương Quang Liệt dẫn đầu, càng khiến giới quan sát có cơ sở khẳng định Mỹ sẽ không có tiếng nói mạnh mẽ như trước về vấn đề Biển Đông. *Thứ hai*, ngân sách quốc phòng Mỹ đang đối mặt với nguy cơ bị cắt giảm mạnh, điều đó sẽ ảnh hưởng đến chính sách quân sự của nước này. Tổng thống Mỹ Barack Obama ngày 13/4/2011 công bố một kế hoạch giảm chi tiêu cho quốc phòng xuống mức 400 tỷ USD trong 12 năm tới. Trong khi đó một số nghị sĩ và cả các nhà phân tích độc lập của Mỹ còn kêu gọi phải cắt giảm thêm. Với cuộc chiến tại Iraq và Afghanistan dần kết thúc, tiết kiệm chi tiêu cho quốc

phòng là trung tâm trong giải pháp ngăn chặn thâm hụt của chính phủ Mỹ hiện nay. Lầu Năm Góc được cho là đang trong quá trình sắp xếp lại lực lượng tại khu vực châu Á Thái Bình Dương, bao gồm Đông Nam Á. Mức độ thành công kế hoạch này sẽ phụ thuộc lớn vào việc ngân sách Lầu Năm Góc sẽ bị cắt giảm nhiều hay ít.

Trong bối cảnh trên, Mỹ tỏ ra quan ngại về việc một số khu vực tại châu Á sẽ ngả về phía một cường quốc khác, nếu Mỹ khiến họ nghĩ rằng Mỹ đang bỏ rơi nơi đó, hoặc giảm sự ủng hộ về quân sự.

Thế khó của Mỹ lúc này là vừa muốn khẳng định tiếp tục hiện diện quân sự tại khu vực châu Á Thái Bình Dương lớn hơn trước, vừa không muốn làm tổn hại mối quan hệ với Trung Quốc đang được cải thiện, Mỹ luôn coi quan hệ với Bắc Kinh là vấn đề ưu tiên đặc biệt.

Phản ứng từ phía các quốc gia khu vực châu Á, lãnh đạo một số nước châu Á tuyên bố họ không nên đặt mình trước sự lựa chọn Trung Quốc hay Mỹ và cho rằng phải tránh tình trạng đơn cực kiểu Chiến tranh Lạnh khu vực, mà cần hợp tác với cả hai bên gồm một là siêu cường quân sự truyền thống và một là quyền lực đang lên của thế giới (Dẫn theo lời Thủ tướng Malaysia Najib Razak tại buổi khai mạc Đối thoại Shangrila ngày 3/6/2011).

Tuy nhiên, trước một hình ảnh nước Mỹ với vị thế và vai trò đối với thế giới đang có xu hướng yếu đi, thì chiến lược Biển Đông sẽ là rất cần thiết cho Mỹ, thêm vào đó Biển Đông sẽ là khu vực cần thiết để Mỹ kiểm chế tham vọng của một số nước đang nổi lên mạnh mẽ và muốn chiếm khu vực này.

Có thể cho rằng, kiểm soát được các quần đảo Trường Sa cũng có nghĩa là khẳng định chủ quyền biên giới biển quốc gia, chủ quyền kiểm soát khai thác nguồn tài nguyên biển trong lãnh hải 12 hải lý như trong Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982 đã quy định. Mỹ sẽ không thể lơ là những lợi ích quan trọng của mình tại khu vực Biển Đông, đặc biệt trong việc kiểm chế Trung Quốc. Chiến lược về Biển Đông nằm trong chiến lược chung của Mỹ tại khu vực châu Á Thái Bình Dương. Và vì mục đích này hay mục đích khác, Biển Đông luôn là khu vực mang lại những lợi ích vô cùng quan trọng cho Mỹ, nhất là trong giai đoạn thế giới đang có nhiều biến động như hiện nay. Phía Mỹ sẽ tiếp tục có những can dự sâu hơn về vấn đề Biển Đông, sẵn sàng hợp tác, hỗ trợ các nước giải quyết vấn đề tranh chấp biển đảo tại khu vực. Việc Mỹ khẳng định tái cân bằng sức mạnh Mỹ, đến 2020 sẽ bố

trí 60% hải quân Mỹ ở khu vực Thái Bình Dương, cũng như những chuyến thăm Việt Nam, Đông Nam Á sắp tới của Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Leon Panetta vào tháng 6/2012 và chuyến thăm của Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ Hillary Clinton vào tháng 7/2012 đến Việt Nam, Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), Hội nghị Ngoại trưởng cấp cao Đông Á, Hội nghị Bộ trưởng Mỹ - ASEAN,... sẽ cho chúng ta thấy rõ hơn chính sách và quan điểm của Mỹ đối với Biển Đông, Đông Nam Á và Châu Á Thái Bình Dương ■

Chú thích:

- 1) Ralph A. Cossa, "Security Implications of Conflict in the South China Sea: Exploring Potential Triggers of Conflict", *A Pacific Forum CSIS*, tháng 3/1998.
- 2) Robert Willard, "Tư lệnh Hạm đội Thái Bình Dương của Mỹ thăm Việt Nam: Ưu tiên hợp tác cứu trợ thảm họa", <http://www.tienphong.vn/Tienphong/Index.aspx?ArticleID=154769&ChannelID=5>.
- 3) "Oil & Natural Gas", Country Analysis Briefs, tháng 3/2008, http://eia.doe.gov/emeu/cabs/South_China_Sea/OilNaturalGas.html.
- 4) Peter Navarro, "China stirs over offshore oil pact", *Asia Times*, ngày 23/7/2008.
- 5) <http://www.petrotimes.vn/dau-tien-quyen-luc/2011/06/gia-dau-tho-tang-nhe-sau-nhieu-bien-dong-tu-chau-au>.
- 6) <http://www.globalsecurity.org/military/ops/rmsi.htm>
- 7) "America: Adjustment in Foreign Policy", *Vietnam News*, Reference No 10-2002.
- 8) <http://www.state.gov/s/d/2009/121564.htm>.